TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1834/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1129/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 543/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 479/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1967; Địa chỉ: số B đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Dương Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: số N đường số I, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2018, lời khai tại tòa và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng K trình bày:

Ông và bà Dương Thị H quen nhau từ năm 1998 và chung sống từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn liên quan đến quan hệ giữa hai vợ chồng và gia đình dẫn đến bất hòa, thường xuyên xung đột. Ông và bà H đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Ông không thể tiếp tục chung sống với bà H được nữa, ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 24/11/2001 và Nguyễn Ngọc N2, sinh

ngày 29/6/2006; ông giao bà H nuôi dưỡng 02 con chung, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 25.000.000 đồng/con. Về tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

Bị đơn bà Dương Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đăng K chung sống từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc bình thường trừ những lần ông K có quan hệ với người phụ nữ khác và đã dọn ra ngoài sống riêng. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 24/11/2001 và Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 29/6/2006; bà đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 50.000.000 đồng/con. Về tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Đăng K nộp đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Dương Thị H, bà H có địa chỉ cư trú tại quận G, thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Dương Thị H theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà H vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng K nộp đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Dương Thị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Đăng K và bà Dương Thị H quen nhau từ năm 1998, chung sống như vợ chồng từ năm 2000, quá trình chung sống ông bà có hai người con chung nhưng không có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà H là không hợp pháp. Nay ông K yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K và bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 24/11/2001 và Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 29/6/2006, ông K yêu cầu giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 25.000.000

đồng/con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình hòa giải ông K và bà H đã thỏa thuận, bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và tại phiên tòa ngày 09/11/2018 bà H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con là mong muốn được ở với mẹ là bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: bà H yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 50.000.000 đồng/con, ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 25.000.000 đồng/con. Xét ông K và bà H cùng xác định thu nhập bình quân hàng tháng của ông K cao nhất là 100.000.000 đồng, đồng thời bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông K có mức thu nhập cao hơn. Do đó, bà H yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 50.000.000 đồng/con là không có cơ sở để chấp nhận. Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 25.000.000 đồng/con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi đây là sự tự nguyện của ông K, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đăng K và bà Dương Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Đăng K và bà Dương Thị H xác định không có.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Đăng K phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0029891 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đăng K còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 và Điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đăng K và bà Dương Thị H.

Về con chung: Bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 24/11/2001 và Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 29/6/2006. Ông Nguyễn Đăng K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 25.000.000 đồng/con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đăng K và bà Dương Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Đăng K và bà Dương Thị H xác định không có.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Đăng K phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0029891 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đăng K còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc

Hội thẩm nhân dân **Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc